

## THUYẾT MINH

(Kèm theo Tờ trình số 62 /TTr-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

### I. CĂN CỨ BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Điểm b, Khoản 6, điều 99 Luật Giáo dục 2019 quy định: “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể...”;

2. Khoản 1 điều 27 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 quy định: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.

3. Các quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP:

- Tại điểm a khoản 2 Điều 9 quy định:

“2. Khung học phí năm học 2022 - 2023

a) Khung học phí (mức sàn - mức trần) đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên như sau:

Đơn vị: nghìn đồng/học sinh/tháng

Vùng	Năm học 2022 - 2023			
	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
Thành thị	Từ 300 đến 540	Từ 300 đến 540	Từ 300 đến 650	Từ 300 đến 650
Nông thôn	Từ 100 đến 220	Từ 100 đến 220	Từ 100 đến 270	Từ 200 đến 330
Vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Từ 50 đến 110	Từ 50 đến 110	Từ 50 đến 170	Từ 100 đến 220

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quy định trên để quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc thẩm quyền và quyết định việc sắp xếp, phân loại các vùng trên địa bàn để cơ sở giáo dục áp dụng mức thu học phí.

Khung học phí đối với giáo dục tiểu học công lập quy định tại điểm này dùng làm căn cứ để Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tự thực ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tự thực thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định.”.

- Tại Khoản 3 Điều 9 quy định:

### **“3. Khung học phí từ năm học 2023 - 2024 trở đi**

a) Từ năm học 2023 - 2024 trở đi, khung học phí được điều chỉnh theo tỷ lệ phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân nhưng không quá 7,5%/năm;

b) Căn cứ khung học phí quy định tại điểm a khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu học phí cụ thể nhưng không vượt mức trần quy định.”

- Tại Khoản 5 Điều 9 quy định: “Trường hợp học trực tuyến (học online), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập theo phân cấp quản lý trên cơ sở chi phí phát sinh thực tế hợp lý, tối đa bằng mức học phí của cơ sở giáo dục đã được ban hành.”.

- Tại khoản 6 Điều 9 quy định: “Đối với cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông được áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn. Đối với các loại hình giáo dục thường xuyên khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt mức thu cụ thể phù hợp với từng loại hình đào tạo và điều kiện thực tế của từng địa bàn.”.

Vì vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh về đề nghị xây dựng Nghị quyết Quy định mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Khi thực tế phát sinh sẽ tham mưu trình cấp có thẩm quyền các nội dung: Tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường công lập; Mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tư thục ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí.

## **II. THUYẾT MINH MỘT SỐ NỘI DUNG DỰ THẢO**

### **1. Về đề xuất phân vùng của tỉnh để áp dụng mức học phí**

Phân vùng để áp dụng năm học 2023-2024 theo Nghị quyết số 70/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; cụ thể:

Toàn tỉnh Kon Tum có 102 xã, phường, thị trấn. Theo Quyết định 861/QĐ-TTg, tỉnh Kon Tum có 92 xã, phường, thị trấn được phân định khu vực (trong đó khu vực I: 35, khu vực II: 5, khu vực 3: 52). Còn lại 10 xã/phường/thị trấn không

phân định khu vực gồm: Thị trấn Đăk Hà, xã Hà Mòn huyện Đăk Hà, xã Sa Nhơn huyện Sa Thầy, các phường Duy Tân, Nguyễn Trãi, Quyết Thắng, Quang Trung, Thắng Lợi, Trường Chinh, Trần Hưng Đạo.

a) Vùng 1: Gồm Phường Quyết Thắng, Phường Thắng Lợi (*trừ thôn Kontum Kơ Pong, Thôn Kon Rơ Wang, Thôn Kon Klor*), Phường Quang Trung (*trừ thôn Plei Đôn, thôn Plei Tơ Nghĩa*) của thành phố Kon Tum.

b) Vùng 2: Gồm các xã, phường, thị trấn thuộc khu vực I theo Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, các xã, phường, thị trấn (*không phân định khu vực*): thị trấn Đăk Hà, xã Hà Mòn huyện Đăk Hà, xã Sa Nhơn huyện Sa Thầy, phường Duy Tân, Nguyễn Trãi, Trường Chinh, Trần Hưng Đạo thành phố Kon Tum và thôn Kontum Kơ Pong, thôn Kon Rơ Wang, thôn Kon Klor thuộc Phường Thắng Lợi, thôn Plei Đôn, thôn Plei Tơ Nghĩa thuộc Phường Quang Trung của thành phố Kon Tum (*trừ các thôn đặc biệt khó khăn theo quy định tại Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt Danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025*).

c) Vùng 3: Gồm các xã, thị trấn thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và các thôn đặc biệt khó khăn tại Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt Danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 thuộc xã, phường, thị trấn của vùng 2 theo quy định tại điểm b, Khoản 1 Điều này.

d) Trong trường hợp các xã quy định tại điểm c (*nêu trên*) được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới thì áp dụng mức học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông theo địa bàn vùng 2 quy định tại điểm b (*nêu trên*) kể từ ngày Quyết định của cấp có thẩm quyền công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới có hiệu lực.

## **2. Về mức học phí năm học 2023-2024**

- **Năm học 2022-2023**, căn cứ Khoản 2 Điều 9 Nghị định 81/2021/NĐ-CP quy định khung học phí năm học 2022 - 2023, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 70/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 11 năm 2022 Quy định mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Cụ thể: Quy định mức học phí đối với

cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên như sau:

*Đơn vị: đồng/học sinh/tháng*

TT	Cấp học	Vùng và mức học phí 2022-2023		
		Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Mầm non	70.000	60.000	50.000
2	Trung học cơ sở	90.000	70.000	50.000
3	Trung học phổ thông	140.000	120.000	100.000

- **Năm học 2023-2024**, căn cứ Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định:

***“3. Khung học phí từ năm học 2023 - 2024 trở đi***

*a) Từ năm học 2023 - 2024 trở đi, khung học phí được điều chỉnh theo tỷ lệ phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân nhưng không quá 7,5%/năm;*

*b) Căn cứ khung học phí quy định tại điểm a khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu học phí cụ thể nhưng không vượt mức trần quy định.”*

Đề xuất:

Qua rà soát các công bố liên quan của Tổng cục Thống kê, Công thông tin điện tử tỉnh Kon Tum, Cục Thống kê Kon Tum, các số liệu như sau:

- Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng năm 2022 so với 2021 của VN: **3,15%** (Link nguồn: [https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvstc/pages\\_r/1/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM261161](https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvstc/pages_r/1/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM261161) )

- Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng năm 2022 so với 2021 của tỉnh Kon Tum **2,99%** (Link nguồn: <http://thongkekontum.gov.vn/xem-tin-tuc.aspx?id=60807> )

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2022 so với 2021 của VN: GDP năm 2022 tăng cao ở mức 8,02% so với năm trước (Link nguồn: <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2023/01/diem-sang-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2022> ).

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2022 so với 2021 của tỉnh Kon Tum: Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) 9,5% so với năm trước (Link

nguồn: <https://www.kontum.gov.vn/pages/detail/44142/Tom-tat-tinh-hinh-kinh-te--xa-hoi-nam-2022-phuong-huong-nhiem-vu-nam-2023.html> ).

Nếu tăng học phí căn cứ vào tốc độ tăng trưởng kinh tế (*của toàn quốc là 8,02% và của tỉnh là 9,5%*) thì không đảm bảo quy định tại Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP: tăng học phí hàng năm không vượt quá 7,5%. Do đó cơ quan soạn thảo đề xuất **tăng học phí 3%** căn cứ vào tốc độ tăng giá tiêu dùng (*của toàn quốc là 3,15% và của tỉnh là 2,99%*), việc tăng này cơ bản là phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội của địa phương và khả năng chi trả của người dân.

Đề xuất mức học phí năm học 2023-2024 tăng 3% so với năm học 2022-2023, cụ thể mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên như sau:

*Đơn vị: đồng/học sinh/tháng*

TT	Cấp học	Vùng và mức học phí 2023-2024 (tăng 3% so với 2022-2023)		
		Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Mầm non	72.100	61.800	51.500
2	Trung học cơ sở	92.700	72.100	51.500
3	Trung học phổ thông	144.200	123.600	103.000

Liên quan đến mức học phí năm học 2023-2024, ngày 07/5/2023 **Chính phủ đã ban hành chủ trương sửa đổi, bổ sung Nghị định 81/2021/NĐ-CP<sup>1</sup>**, Bộ Giáo dục và Đào tạo đang tiến hành các thủ tục sửa đổi, bổ sung Nghị định 81/2021/NĐ-CP<sup>2</sup>. Theo đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo kiến nghị điều chỉnh lộ trình học phí lùi 01 năm so với lộ trình học phí tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, để áp dụng cho năm học mới 2023-2024.

Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh mức học phí năm học 2023-2024, có quy định 02 trường hợp:

<sup>1</sup> Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/5/2023 của Chính phủ về phiên họp thường kỳ tháng 4/2023, mục 15c: “15. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương:

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan khẩn trương sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế quản lý thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo theo trình tự, thủ tục rút gọn để địa phương và các cơ sở giáo dục và đào tạo kịp thời có căn cứ quyết định mức thu học phí năm học 2023 - 2024.”

<sup>2</sup> Văn bản số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ; Văn bản số 1961/BGDĐT-KHTC ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tham dự hội nghị góp ý, hoàn thiện hồ sơ đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

- **Trường hợp 1:** Trường hợp đến kỳ họp thứ 5 Hội đồng nhân dân tỉnh, Chính phủ chưa sửa đổi, bổ sung khung học phí Nghị định 81/2021/NĐ-CP, dự thảo Nghị quyết mức học phí 2023-2024 **tăng 3%**<sup>3</sup> so với mức học phí theo Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 70/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum (*quy định tại Khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết*).

- **Trường hợp 2:** Trường hợp sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết, Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP theo hướng Bộ Giáo dục và Đào tạo kiến nghị điều chỉnh lộ trình học phí lùi 01 năm so với lộ trình học phí tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP (*dùng khung học phí 2022-2023 trong Nghị định số 81/2021/NĐ-CP để áp dụng cho năm học mới 2023-2024*): dự thảo Nghị quyết mức học phí 2023-2024 **bằng** mức học phí theo Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 70/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum (*quy định tại Khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị quyết*).

### **3. Các nội dung khác trong dự thảo Nghị quyết:**

Nội dung dự thảo tại Khoản 2 Điều 1:

2. Trường hợp tổ chức học trực tuyến (học online) hoặc vừa tổ chức học trực tuyến vừa tổ chức học trực tiếp, cơ sở giáo dục công lập được áp dụng mức thu bằng mức học phí tại Khoản 1 Điều này; thời gian thu học phí không quá 9 tháng/năm; không thu học phí trong thời gian không tổ chức dạy học.

### **III. CÁC NỘI DUNG CHƯA ĐƯA VÀO DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Khi thực tế phát sinh sẽ tham mưu trình cấp có thẩm quyền các nội dung: Tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường công lập; Mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tư thục ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí./.

<sup>3</sup> Tại Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định:

“3. Khung học phí từ năm học 2023 - 2024 trở đi

a) Từ năm học 2023 - 2024 trở đi, khung học phí được điều chỉnh theo tỷ lệ phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân nhưng không quá 7,5%/năm;

b) Căn cứ khung học phí quy định tại điểm a khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu học phí cụ thể nhưng không vượt mức trần quy định.”

\* Theo Báo cáo từ Tổng cục Thống kê cho biết chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2022 tăng 3,15% so với năm 2021.

Link nguồn: [https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages\\_r/1/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM261161](https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r/1/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM261161)